TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày 10/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Thảo;

Ông Phạm Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 459/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: B - B N, phường V, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc Sơn N, sinh năm 1980; địa chỉ: D, Đại Lộ B, khu phố B, phường M, Thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Giấy ủy quyền số 69/2024/UQ-PGD-PG ngày 16/5/2024. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ D, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2024. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Hoàng Hải T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Nguyễn Ngọc Sơn N trình bày:

Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng G có cho bà Phạm Thị L theo Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021các Thỏa thuận, sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng này. Theo đó, bà Phạm Thị L nợ vay với số tiền: 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng), cụ thể:

+ Nhận nợ ngày 12/12/2022 số tiền 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng), ngày trả nợ 12/12/2023, dư nợ vay 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

+ Thẻ tín dụng do bà Phạm Thị L, dư nợ đến hết ngày 10/8/2025259.990.867 đồng, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2206193 ngày 24/8/2022

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3903/PG ngày 30/11/2021 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ135804, số vào sổ cấp GCN: CS05545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/5/2019 do ông Nguyễn H đứng tên, cập nhật chuyển nhượng cho bà Hoàng Hải T theo hồ sơ số 005545.CN.012.

Do bà Phạm Thị L phạm nghĩa vụ trả nợ, S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị L phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 3.453.171.307 đồng, trong đó tiền gốc: 2.200.000.000 đồng, tiền lãi: 987.506.696 đồng.

Và các khoản lãi phát sinh từ ngày 11/9/2025 cho đến khi bà Phạm Thị L nợ cho Ngân hàng TMCP S theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, các văn bản thỏa thuận, sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa bà Phạm Thị L và S.

Trong trường hợp bà Phạm Thị L trả được nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ vay và phí (nếu có) cho Ngân hàng, Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mại các tài sản khác của bà Phạm Thị L thanh toán hết nợ vay, phí (nếu có) cho Ngân hàng. Buộc bên bị đơn (bà toán toàn bộ các khoản phí Tòa án, phí thẩm định tại chỗ và phí Thi hành án phát sinh liên quan vụ kiện này.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2024, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Ngày 30/11/2021, bà L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng G theo Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021, số tiền vay là: 2.200.000.000đ (hai tỷ hai trăm triệu đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng. Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ135804, số vào sổ cấp GCN: CS05545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/5/2019. Tuy

nhiên, do thời gian bà L vay vốn rơi đúng vào thời điểm Đại dịch Covid 19 nên hoạt động kinh doanh hết sức khó khăn nên phải ngừng hoạt động, khiến bà L không đủ khả năng trả nợ như đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S bà L đồng ý trả và xin phía nguyên đơn cho gia hạn đến tháng 12/2024 sẽ thanh toán đủ cả tiền gốc và tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Hải T trình bày:

Bà T là con ruột của bị đơn bà Phạm Thị L. Ngày 30/11/2021, bà L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng G theo Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021, số tiền vay là: 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng). Trong Hợp đồng tín dụng bà T với tư cách là bên bảo đảm, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng. Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ135804, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/5/2019, đứng tên Hoàng Hải T. Tuy nhiên, do thời gian vay vốn rơi đúng vào thời điểm Đại dịch Covid 19 nên hoạt động kinh doanh hết sức khó khăn nên phải ngừng hoạt động, khiến bà L không đủ khả năng trả nợ như đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, bà T đồng ý và xin phía nguyên đơn cho gia hạn đến tháng 12/2024 sẽ thanh toán đủ cả tiền gốc và tiền lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn bà Phạm Thị L có tranh chấp hợp đồng tín dụng, nhưng đến nay bà Phạm Thị L vẫn chưa trả cho Ngân hàng TMCP S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn bà Phạm Thị L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là là 3.453.171.307 đồng, trong đó tiền gốc: 2.200.000.000 đồng, tiền lãi: 987.506.696 đồng.

- Nếu bị đơn bà Phạm Thị L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S đối với: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ135804, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/5/2019, đứng tên Hoàng Hải T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hiện bị đơn bà Phạm Thị L thường trú tại ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) và nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Nguyễn Ngọc Sơn N có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị L có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Hải T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91 và 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng G có cho bà Phạm Thị L theo Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021cấp thẻ tín dụng cho bà L theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2206193 ngày 24/8/2022Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3903/PG ngày 30/11/2021, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 563, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh), diện tích 575,7m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ135804, số vào sổ cấp GCN: CS05545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/5/2019 do bà Hoàng Hải T đứng tên. Do bà Phạm Thị L phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện.

[4] Xét về Hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng G theo Điều lệ của Ngân hàng TMCP S được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng nhân danh Ngân hàng TMCP S nên Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021là hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị L không thực hiện việc thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu bà Phạm Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi trên là có căn cứ.

[5] Về số nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021Ngân hàng TMCP S cho bà Phạm Thị L vay số tiền 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị L phải thanh toán số tiền gốc 2.200.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Về nợ lãi: Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Phạm Thị L phải thanh toán số tiền lãi tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 987.506.696 đồng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu được tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 11/9/2025 đến thời điểm bà Phạm Thị L thanh toán xong nợ gốc theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021Ngân hàng TMCP S đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bà Phạm Thị L không thanh toán được các khoản nợ gốc, nợ lãi nêu trên. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 563, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành

phố Hồ Chí Minh), diện tích 575,7m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ135804, số vào sổ cấp GCN: CS05545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/5/2019 do bà Hoàng Hải T đứng tên. Việc thế chấp tài sản nêu trên đều được những chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp đứng ra thế chấp và việc thế chấp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Theo quy định tại các Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà Phạm Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà L được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 157, 158, 184, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Phạm Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2. Buộc bị đơn bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 3.453.171.307 đồng. Trong đó, tiền gốc là 2.200.000.000 đồng, tiền lãi là 987.506.696 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên

thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202126448318 ký ngày 30/11/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Phạm Thị L cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn đã tất toán hết số tiền nợ gốc, các loại lãi phát sinh đến ngày thanh toán thì nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ bản chính các giấy tờ tài sản thế chấp cho bị đơn.

Trong trường hợp bị đơn bà Phạm Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 563, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh), diện tích 575,7m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ135804, số vào sổ cấp GCN: CS05545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/5/2019 do bà Hoàng Hải T đứng tên.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của bị đơn mà vẫn còn dư thì bị đơn bà Phạm Thị L được nhận lại số tiền này.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản đảm bảo mà không đủ trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi có liên quan thì bị đơn bà Phạm Thị L có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả xong.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà Phạm Thị L có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Bà Phạm Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

4.2 Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 39.969.000 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002897 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Khoa